

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	04-05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	06-07
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	08-40

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.156.922.116.924	3.098.121.929.560
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	271.503.230.929	518.493.494.834
111	1. Tiền		223.503.230.929	337.190.219.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.000.000.000	181.303.274.874
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	613.755.377.778	448.433.560.889
121	1. Chứng khoán kinh doanh		40.000.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		573.755.377.778	448.433.560.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.318.534.238.979	1.006.793.864.550
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.207.292.298.886	964.049.114.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		69.775.905.193	42.533.295.302
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	16.885.120.000	33.193.522.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	63.589.713.883	12.644.761.572
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(39.024.883.263)	(46.632.565.353)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.084.280	1.005.735.477
140	IV. Hàng tồn kho	9	940.934.528.907	1.089.029.229.696
141	1. Hàng tồn kho		941.658.269.684	1.094.473.019.541
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(723.740.777)	(5.443.789.845)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.194.740.331	35.371.779.591
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.568.404.627	2.406.586.738
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.530.535.747	32.948.871.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	95.799.957	16.321.331
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.933.972.472.095	1.819.382.361.671
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		202.464.250	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	202.464.250	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		888.296.901.457	981.971.979.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	842.270.931.790	925.140.436.177
222	- Nguyên giá		1.550.181.912.051	1.715.524.224.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(707.910.980.261)	(790.383.788.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	46.025.969.667	56.831.543.320
228	- Nguyên giá		55.620.544.010	68.819.552.152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.594.574.343)	(11.988.008.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	165.040.232.300	44.873.799.497
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		165.040.232.300	44.873.799.497
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	709.172.169.578	646.827.240.129
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		701.088.507.578	638.870.867.329
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(407.852.600)	(535.141.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		171.260.704.510	145.314.342.548
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	170.660.704.510	143.919.494.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	600.000.000	1.394.848.392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.090.894.589.019	4.917.504.291.231

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.093.626.811.056	1.924.215.058.500
310	I. Nợ ngắn hạn		1.931.494.023.901	1.800.610.784.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	578.097.914.929	571.664.467.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		59.373.616.770	95.368.632.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	42.684.814.313	29.164.746.632
314	4. Phải trả người lao động		56.856.655.551	110.252.303.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	24.883.355.030	34.017.384.934
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	5.371.054.034	18.530.302.185
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	352.701.070.173	365.956.116.354
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	720.011.283.533	504.114.164.978
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	47.178.889.519	43.641.992.233
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.335.370.049	27.900.672.783
330	II. Nợ dài hạn		162.132.787.155	123.604.274.113
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	47.500.945.262	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	6.653.548.282	8.900.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	45.104.098.091	17.213.189.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	3.384.003.042	234.802.801
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	48.725.167.484	49.382.894.377
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.765.024.994	11.007.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.997.267.777.963	2.993.289.232.731
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.994.135.433.509	2.981.559.990.574
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.277.940.660	47.050.714.170
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.635.745)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		161.944.888	84.376.333
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		208.667.162.776	123.438.566.724
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		644.787.883.579	744.300.401.229
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		393.705.458.179	423.190.425.666
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		251.082.425.400	321.109.975.563
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		451.888.137.351	455.332.932.118
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.132.344.454	11.729.242.157
431	1. Nguồn kinh phí		(24.500.000)	4.011.662.947
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.156.844.454	7.717.579.210
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.090.894.589.019	4.917.504.291.231

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Trưởng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II/2016		Quý II/2015		6 tháng đầu năm	
			VND	VND	VND	VND	2016	2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	2.193.744.075.956	2.432.272.074.410	3.860.953.560.964	4.515.384.767.286		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	27.947.309.556	98.723.538.197	50.821.472.436	183.172.340.298		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.165.796.766.400	2.333.548.536.213	3.810.132.088.528	4.332.212.426.988		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.908.743.050.584	2.004.990.970.961	3.342.820.543.610	3.717.995.837.565		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		257.053.715.816	328.557.565.252	467.311.544.918	614.216.589.423		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	101.384.343.545	32.408.072.358	139.761.003.031	42.437.463.788		
22	7. Chi phí tài chính	27	12.468.922.691	23.002.311.083	25.407.090.958	37.819.631.772		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		16.916.652.099	23.357.537.914	23.327.137.533	32.382.582.025		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		29.312.706.133	-10.168.875.808	16.134.176.991	2.415.621.162		
25	9. Chi phí bán hàng	28	44.811.936.844	36.871.830.849	80.402.743.503	99.198.381.938		
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	56.587.645.900	90.764.831.335	109.901.130.649	161.856.486.553		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		273.882.260.059	200.157.788.535	407.495.759.830	360.195.174.110		
31	12. Thu nhập khác		8.110.477.540	1.280.342.827	9.048.664.779	2.300.171.153		
32	13. Chi phí khác		6.327.315.943	1.351.007.073	7.858.274.028	1.526.371.234		
40	14. Lợi nhuận khác		1.783.161.597	-70.664.246	1.190.390.751	773.799.919		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

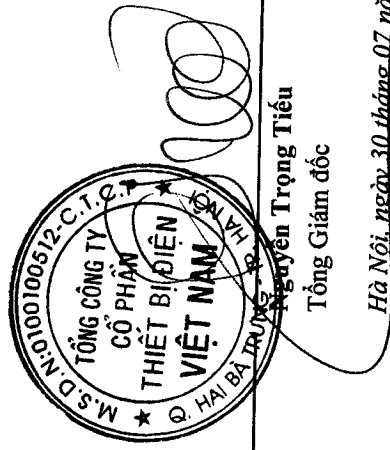
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II/2016		6 tháng đầu năm 2016		6 tháng đầu năm 2015	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		275.665.421.656	200.087.124.289	408.686.150.581	360.968.974.029		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	33.867.962.226	31.433.588.861	53.478.522.608	71.969.631.643		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		617.213.539	3.773.566.691	3.944.048.633	786.027.220		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		241.180.245.891	164.879.968.737	351.263.579.340	288.213.315.166		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		164.631.201.945	95.008.487.223	251.082.425.400	191.656.903.126		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		76.549.043.946	69.871.481.514	100.181.153.940	96.556.412.040		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31			1.625	1.376		

Đoàn Thị Lan Phương

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

T. Anh

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		408.686.150.581	360.968.974.029
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		54.832.046.762	56.829.064.642
03	- Các khoản dự phòng		(105.479.906.968)	38.795.380.921
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		264.371.063	(1.339.737.105)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(152.299.669.926)	(42.367.189.404)
06	- Chi phí lãi vay		23.327.137.533	32.382.582.025
08	15 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		229.330.129.045	445.269.075.108
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(289.293.055.821)	(497.765.561.546)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		152.814.749.857	(126.971.574.561)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(286.087.887.463)	163.971.966.687
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(30.903.028.243)	(3.544.493.195)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(40.000.000.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.353.691.071)	(31.988.721.750)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.287.017.654)	(60.303.538.844)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.409.516.281	8.232.999.685
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.630.406.523)	(124.924.558.386)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(342.000.691.592)	(228.024.406.802)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(192.210.382.438)	(87.077.489.522)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		838.418.620	730.350.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(317.155.377.778)	(106.934.979.564)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		243.600.000.000	143.871.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.333.284.404	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		127.503.264.949	40.227.930.940
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(110.090.792.243)	(9.183.188.146)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.117.577.112.729	1.119.760.403.454
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(912.621.068.694)	(1.060.743.769.841)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		147.390.000	(162.999.880.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		205.103.434.035	(103.983.246.387)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(246.988.049.800)	(341.190.841.335)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		518.493.494.834	770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.214.105)	557.935.641
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>271.503.230.929</u>	<u>430.294.759.140</u>

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty tăng 21,87% so với số liệu so sánh cùng kỳ chủ yếu do lãi từ hoạt động tài chính. Trong đó, tăng đột biến là cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Cấu trúc Tập đoàn****- Tổng số Công ty con:**

- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 09 công ty (5 công ty con trực tiếp (trong đó có một công ty con đã thoái vốn trong kỳ) và 4 công ty con gián tiếp)
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có

- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong kỳ, Công ty Cổ phần Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên 45,6 tỷ đồng. Do Tổng Công ty mua thêm cổ phần nhưng không mua tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 31/12/2015 dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,03% xuống 49,24%.

Ngoài ra, Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con là - Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương.

- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (1)	Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương ⁽²⁾	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX:

Trong kỳ Tổng Công ty thành lập Công ty con mới với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty góp 16 tỷ đồng.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con là - Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tại ngày 09/06/2016.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Cadivi Miền Bắc (*)	Hà Nội	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Trong kỳ, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã thành lập Công ty con là CTCP Cadivi Miền Bắc ngày 22/04/2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán .

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán . Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.894.494.712	4.581.166.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	219.608.736.217	332.609.053.154
Các khoản tương đương tiền	48.000.000.000	181.303.274.874
	271.503.230.929	518.493.494.834

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	573.755.377.778	573.755.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889
- Tiền gửi có kỳ (*) hạn	343.755.377.778	343.755.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889
- Hợp đồng ủy thác đầu tư	230.000.000.000	230.000.000.000	-	-
	573.755.377.778	573.755.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889

Tại thời điểm 30/06/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ngân hàng TMCP Công thương VN	40.000.000.000	-	-	-
	40.000.000.000	-	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi số VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi số VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	1.890.941.064	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	4.770.544.130	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	113.168.904.321	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	6.862.384.249	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	7.049.361.952
- Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	244.316.715.445	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	198.878.604.355
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	283.915.025.934	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	46.163.992.435	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh								
				701.088.507.578				638.870.867.329

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	1.770.817.400	(407.852.600)	
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	-	
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	-	
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	-	
	8.491.514.600	1.770.817.400	(407.852.600)	(535.141.800)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	76.578.302.260	67.408.349.632
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	38.540.964.845	38.775.578.887
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	24.740.445.784	51.114.618.503
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	89.447.765.726	61.550.243.456
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	51.789.266.182	63.448.616.616
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.754.002.000	15.811.537.610
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	23.736.287.344
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	35.516.134.344	46.710.170.167
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	47.980.481.819	2.200.068.794
- Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	52.221.228.964	44.233.677.915
- Các khoản phải thu khách hàng khác	755.463.180.545	529.799.439.511
	1.207.292.298.886	964.049.114.852

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	-	308.402.700
	16.885.120.000	33.193.522.700

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.287.873.280	-	2.491.439.432	-
Phải thu người lao động	1.737.283.217	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	78.967.173	-	41.546.350	-
Tạm ứng	5.299.741.600	-	4.890.590.185	-
Ký cược, ký quỹ	4.842.590.920	-	3.632.172.469	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	-	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	46.343.257.693	-	489.013.136	-
	63.589.713.883	-	12.644.761.572	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	202.464.250	-	395.000.000	-
	202.464.250	-	395.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417	19.260.526.417	19.260.526.417
- RMM METALLHANDEL GMBH	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896
- Các khoản khác	15.520.982.997	15.520.982.997	30.709.480.227	28.339.224.569
	41.653.396.310	41.653.396.310	56.841.893.540	54.471.637.882

Giá trị có thể thu hồi được ghi nhận căn cứ đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các Công ty con. Đối với các khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam số dư các khoản nợ xấu đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc bên nợ phải trả là 19.445.763.787 đồng, số còn lại là 6.871.886.896 đồng được chờ quyết định của Tòa án.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.301.117.300	-
Nguyên liệu, vật liệu	346.014.163.616	-	318.564.535.179	-
Công cụ, dụng cụ	3.913.240.349	-	3.436.578.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	110.600.465.384	-	112.003.204.172	-
Thành phẩm	420.363.711.698	(723.740.777)	596.464.177.207	(5.164.038.845)
Hàng hoá	40.835.809.847	-	44.288.279.252	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	19.930.878.790	-	13.415.128.195	-
	941.658.269.684	(723.740.777)	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	21.506.735.264	40.276.323.737
- Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	3.110.965.816	4.526.282.862
- Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	11.533.976.125	7.796.532.540
- Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	-	369.500.750
- Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh (*)	1.322.608.182	16.141.737.636
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243.205.244
- Công trình khác	1.400.970.231	2.060.849.795
Mua sắm tài sản cố định	138.310.041.732	3.882.522.088
- Phần mềm ERP	3.287.000.400	3.287.000.400
- Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương	110.879.846.000	-
- Mua sắm máy móc thiết bị tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Vi	20.367.202.523	-
- Tài sản khác	3.775.992.809	595.521.688
Sửa chữa lớn tài sản cố định	5.223.455.304	714.953.672
- Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.341.568.782	622.856.122
- Tài sản ...	3.881.886.522	92.097.550
	165.040.232.300	44.873.799.497

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	-	1.715.524.224.347
- Mua trong kỳ	106.689.400	5.464.870.069	9.678.115.509	421.242.338	-	15.670.917.316
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.702.982.912	21.945.299.299	-	1.765.498.889	-	50.413.781.100
- Tăng do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(10.935.000)	(762.940)	-	(11.697.940)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.713.871.339)	(2.247.993.970)	(192.059.765)	-	(17.153.925.074)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(88.146.772.793)	(101.101.216.334)	(21.373.761.791)	(2.218.986.398)	-	(212.840.737.316)
- Giảm khác	-	(1.420.650.382)	-	-	-	(1.420.650.382)
Số dư cuối kỳ	693.247.576.043	674.043.909.970	80.341.056.682	102.549.369.356	-	1.550.181.912.051
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	-	790.383.788.170
- Khấu hao trong kỳ	14.263.390.459	29.797.747.021	4.618.707.705	4.019.258.580	-	52.699.103.765
- Tăng do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	(5.363.215)	(633.837)	-	-	(5.997.052)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.939.257.652)	(540.002.087)	(36.461.250)	-	(14.515.720.989)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(38.816.359.233)	(64.730.247.469)	(14.449.636.816)	(1.556.925.950)	-	(119.553.169.468)
- Giảm khác	-	(1.097.024.165)	-	-	-	(1.097.024.165)
Số dư cuối kỳ	223.895.574.764	410.572.340.815	48.995.663.667	24.447.401.015	-	707.910.980.261
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	-	925.140.436.177
Tại ngày cuối kỳ	469.352.001.279	263.471.569.155	31.345.393.015	78.101.968.341	-	842.270.931.790

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 312.708.685.190 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 735.006.693 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.907.317.659	7.263.595.067	-	2.648.639.426	68.819.552.152
- Mua trong kỳ	-	-	244.481.111	-	244.481.111
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(7.376.289.253)	(6.067.200.000)	-	-	(13.443.489.253)
Số dư cuối kỳ	51.531.028.406	1.196.395.067	244.481.111	2.648.639.426	55.620.544.010
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.851.827.153	2.751.544.508	-	1.384.637.171	11.988.008.832
- Khấu hao trong kỳ	591.418.944	1.529.299.998	12.224.055	-	2.132.942.997
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(1.403.419.431)	(3.122.958.055)	-	-	(4.526.377.486)
Số dư cuối kỳ	7.039.826.666	1.157.886.451	12.224.055	1.384.637.171	9.594.574.343
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	51.055.490.506	4.512.050.559	-	1.264.002.255	56.831.543.320
Tại ngày cuối kỳ	44.491.201.740	38.508.616	232.257.056	1.264.002.255	46.025.969.667

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.444.512.050	1.237.762.135
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	797.811.763	65.000.925
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.326.080.814	1.103.823.678
	<u>6.568.404.627</u>	<u>2.406.586.738</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.784.662.455	11.812.029.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.770.688.098	6.104.468.867
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.009.793.764	13.276.448.872
Chi phí thuê đất trả trước	139.011.842.313	111.421.492.433
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.083.717.880	1.305.054.725
	<u>170.660.704.510</u>	<u>143.919.494.156</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty LG International (HK)	-	-	35.028.075.466	35.028.075.466
- LS NIKKO COPPER INC.	88.524.119.281	88.524.119.281	33.654.074.601	33.654.074.601
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	-	-	56.157.913.449	56.157.913.449
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	19.281.990.660	19.281.990.660	17.279.749.520	17.279.749.520
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	16.528.407.574	16.528.407.574	51.654.495.103	51.654.495.103
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	15.202.470.699	15.202.470.699	73.838.368.564	73.838.368.564
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	-	25.052.616.758	25.052.616.758
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	-	-	13.418.105.039	13.418.105.039
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	47.278.873.234	47.278.873.234	94.473.185.907	94.473.185.907
- Shaanxi saame import and export Co.,LTD	56.310.579.816	56.310.579.816	1.740.727.500	1.740.727.500
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Việt Nam	25.216.619.438	25.216.619.438	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	309.754.854.227	309.754.854.227	169.367.155.843	169.367.155.843
	578.097.914.929	578.097.914.929	571.664.467.750	571.664.467.750

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	8.197.955.724	2.807.175.258
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	33.300.663.290	24.083.794.257
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.141.638.654	2.269.616.877
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	5.522.100	4.160.240
- Các loại thuế khác	39.034.545	-
	<u>42.684.814.313</u>	<u>29.164.746.632</u>

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	697.500.146	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	5.124.727.253	4.257.853.767
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	10.624.702.371	14.196.798.172
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	-	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	1.413.720.000
- Trích trước chi phí khuyến mại	3.000.000.000	6.974.241.959
- Chi phí phải trả khác	5.436.425.260	3.906.887.630
	<u>24.883.355.030</u>	<u>34.017.384.934</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.629.494.952	1.367.584.028
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	-	2.245.263.612
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.741.559.082	14.917.454.545
	<u>5.371.054.034</u>	<u>18.530.302.185</u>
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	47.500.945.262	36.865.162.057
	<u>47.500.945.262</u>	<u>36.865.162.057</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	711.508.637
- Kinh phí công đoàn	1.061.727.325	1.827.363.518
- Bảo hiểm xã hội	1.240.035.573	643.113.182
- Bảo hiểm y tế	14.351.628	72.090.053
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.350.161	57.320.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	274.994.368.244	301.399.158.645
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	277.710.000	130.320.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	3.588.515.250	8.847.566.054
- Phải trả lãi vay	798.417.677	325.463.455
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	-	7.796.340.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	5.307.769.345
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.719.594.315	2.138.288.323
	<u>352.701.070.173</u>	<u>365.956.116.354</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.653.548.282	8.900.875.882
	<u>6.653.548.282</u>	<u>8.900.875.882</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiết số dư các khoản vay:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	720.011.283.533	504.114.164.978
Vay ngắn hạn ngân hàng	700.044.613.533	478.082.619.923
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	59.174.463.176
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	18.202.724.493	5.091.823.440
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	248.265.981.041	157.108.792.439
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	-	22.825.223.351
- Ngân hàng TMCP Quân đội	8.824.172.900	130.605.674.167
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	94.409.634.132
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	-	5.485.982.888
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	78.330.657.276	3.381.026.330
- Ngân hàng A&Z	52.201.346.493	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	73.306.813.071	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	120.000.000.000	-
- NH TMCP Đầu tư phát triển VN - Sở giao dịch I	100.000.660.000	-
- Ngân hàng khác	912.258.259	-
Vay ngắn hạn tổ chức	2.632.000.000	1.350.000.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	2.632.000.000	1.300.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	50.000.000
Vay cá nhân	10.240.670.000	10.493.545.055
Vay dài hạn đến hạn trả	7.094.000.000	14.188.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	7.094.000.000	14.188.000.000
b) Dài hạn	45.104.098.091	17.213.189.000
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	14.192.689.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	10.911.409.091	3.020.500.000
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
	765.115.381.624	521.327.353.978

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	47.178.889.519	43.641.992.233
	47.178.889.519	43.641.992.233
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	48.725.167.484	49.382.894.377
	48.725.167.484	49.382.894.377

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	47.513.826.624	-	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	191.656.903.126	96.556.412.040	288.213.315.166
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	46.321.271.695	49.515.489	(89.897.750.350)	(19.898.504.406)	(63.425.467.572)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	(463.112.454)	-	-	-	(50.999.999)	-	(1.666.953.809)	(7.218.535.895)	(9.399.602.157)
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	397.349.095	-	-	-	-	397.349.095
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	(62.016.732.600)	(229.416.732.600)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(98.366.341)	6.992.555	(197.633.659)	(289.007.445)
Số dư cuối kỳ trước	1.400.000.000.000	47.050.714.170	-	(7.125.000.000)	1.357.393.125	152.376.321.463	149.541.656	561.007.108.082	569.195.571.999	2.724.011.650.495
Số dư đầu năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	251.082.425.400	100.181.153.940	351.263.579.340
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	-	(132.939.367.539)	(11.393.997.794)	(49.988.583.590)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(49.992.716.259)	(204.492.716.259)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.227.226.490	(635.745)	-	1.279.977	-	35.611.273	7.728.056.041	37.991.538.036
Ảnh hưởng khi giảm công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	-	(36.536.899.827)	(76.171.510.708)	(121.825.876.203)
Điều chỉnh do phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-	(26.421.372.800)	26.421.372.800	-
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	77.568.555	-	-	-	-	77.568.555
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(232.914.157)	(217.152.787)	(450.066.944)
Số dư cuối kỳ này	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.277.940.660	(5.025.635.745)	161.944.888	208.667.162.776	-	644.787.883.579	451.888.137.351	2.994.135.433.509

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	9,68%	150.000.000.000
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	90,00%	1.395.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	154.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	208.667.162.776	123.438.566.724
	208.667.162.776	123.438.566.724

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**c) Ngoại tệ các loại**

- Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	-	585,48
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	10.431.616,00	62.028.859,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	2.698.361.720.119	2.906.260.073.170
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	1.086.402.776.845	1.511.716.675.420
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.189.064.000	85.974.499.544
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	11.433.519.152
	<u>3.860.953.560.964</u>	<u>4.515.384.767.286</u>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	46.570.970.046	174.419.321.130
Hàng bán bị trả lại	4.250.502.390	8.753.019.168
	<u>50.821.472.436</u>	<u>183.172.340.298</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.203.505.946.212	2.188.288.144.088
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	1.085.979.247.080	1.447.159.814.455
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.611.609.541	45.654.224.217
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	11.054.072.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	723.740.777	25.839.582.765
	<u>3.342.820.543.610</u>	<u>3.717.995.837.565</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.392.315.066	17.943.315.721
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	306.138.901
Lãi bán các khoản đầu tư	8.151.220.649	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	122.907.383.731	21.854.091.511
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.239.594.514	992.272.581
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	70.489.071	1.341.635.074
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.000
	<u>139.761.003.031</u>	<u>42.437.463.788</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền vay	23.327.137.533	32.382.582.025
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	607.583.824	1.337.261.538
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.175.998.163	4.730.592.440
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	334.860.134	1.897.969
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(127.289.200)	(632.702.200)
Chi phí tài chính khác	88.800.504	-
	25.407.090.958	37.819.631.772

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.875.481.650	1.320.503.604
Chi phí nhân công	8.285.303.975	24.773.554.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.959.421	1.381.186.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.832.548.422	39.855.450.969
Chi phí khác bằng tiền	22.245.665.940	46.529.077.003
Chi phí bảo hành	8.903.818.597	12.104.362.750
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	5.991.965.498	(25.785.004.820)
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	(980.749.400)
	80.402.743.503	99.198.381.938

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.399.716.679	5.047.587.953
Chi phí nhân công	38.656.453.574	76.177.035.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.492.292.897	5.872.355.464
Thuế, phí, lệ phí	3.290.651.460	7.650.203.334
Chi phí dự phòng	72.742.418	2.964.693.605
Lợi thế thương mại	2.600.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(130.835.500)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.126.334.107	21.585.146.962
Chi phí khác bằng tiền	30.262.939.514	42.690.299.511
	109.901.130.649	161.856.486.553

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	408.686.150.581	360.968.974.029
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và t	53.478.522.608	71.969.631.643
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.478.522.608	71.969.631.643

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	251.082.425.400	191.656.903.126
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	251.082.425.400	191.656.903.126
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	154.500.000	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.625	1.376

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.454.315.880.943	2.357.306.489.024
Chi phí nhân công	166.795.426.366	253.931.574.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.044.631.367	56.818.700.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.367.892.384	117.242.164.818
Chi phí khác bằng tiền	81.555.951.334	92.614.651.952
	2.838.079.782.394	2.877.913.580.949

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.503.230.929	-	518.493.494.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.271.084.477.019	(39.024.883.263)	977.088.876.424	(46.632.565.353)
Các khoản cho vay	16.885.120.000	-	33.193.522.700	-
Đầu tư ngắn hạn	613.755.377.778	-	448.433.560.889	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(407.852.600)	8.491.514.600	(535.141.800)
	<u>2.181.719.720.326</u>	<u>(39.432.735.863)</u>	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(47.167.707.153)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	765.115.381.624	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.452.533.384	946.521.459.986
Chi phí phải trả	24.883.355.030	34.017.384.934
	<u>1.727.451.270.038</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.503.230.929	-	-	271.503.230.929
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.231.857.129.506	202.464.250	-	1.232.059.593.756
Các khoản cho vay	16.885.120.000	-	-	16.885.120.000
Đầu tư ngắn hạn	613.755.377.778	-	-	613.755.377.778
Đầu tư dài hạn	8.083.662.000	-	-	8.083.662.000
	<u>2.142.084.520.213</u>	<u>202.464.250</u>	<u>-</u>	<u>2.142.286.984.463</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	33.193.522.700	-	-	33.193.522.700
Đầu tư ngắn hạn	448.433.560.889	-	-	448.433.560.889
Đầu tư dài hạn	7.956.372.800	-	-	7.956.372.800
	<u>1.938.138.262.294</u>	<u>395.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.938.533.262.294</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	720.011.283.533	45.104.098.091	-	765.115.381.624
Phải trả người bán, phải trả khác	930.798.985.102	6.653.548.282	-	937.452.533.384
Chi phí phải trả	24.883.355.030	-	-	24.883.355.030
	<u>1.675.693.623.665</u>	<u>51.757.646.373</u>	<u>-</u>	<u>1.727.451.270.038</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<u>1.475.752.134.016</u>	<u>26.114.064.882</u>	<u>-</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)


Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		21.901.640.958	78.785.775.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.267.577.556	4.885.001.339
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	13.543.785.302	19.260.669.510
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	802.407.100	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.287.871.000	4.296.396.172
Ứng trước cho nhà cung cấp		-	5.813.037.664
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	5.735.060.102
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Phải thu vốn cho vay		16.885.120.000	32.885.120.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		2.424.926.363	2.195.706.096
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.289.926.363	1.917.372.763
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		32.253.130.647	95.298.974.007
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	718.268.100
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	32.253.130.647	94.473.185.907
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	107.520.000
Người mua trả tiền trước		-	-
Phải thu khác		-	1.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.000.000
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập


Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016